

Số: **02** /2018/QĐ-UBND

Đà Nẵng, ngày **23** tháng **01** năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về phân công, phân cấp, ủy quyền trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

ĐẾN	Số: 428
	Ngày: 21/01/2018
	Chuyển: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;
	Lưu hồ sơ số: tháng 6 năm 2015;

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 80/2015/QH13 ngày 20 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18 tháng 6 năm 2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 11 năm 2016 của Chính phủ về Quy định một số cơ chế đặc thù về đầu tư, tài chính, ngân sách và phân cấp quản lý đối với thành phố Đà Nẵng;

Căn cứ Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10 tháng 3 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 10430/TTr-SXD ngày 21 tháng 11 năm 2017,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phân công, phân cấp, ủy quyền trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày **05** tháng **02** năm 2018

và thay thế Quyết định số 11/2015/QĐ-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2015 của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc Quy định phân công, phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

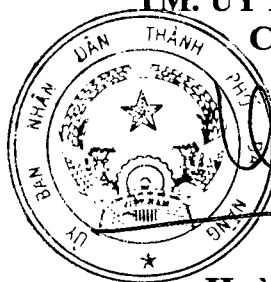
Điều 3. Giao Giám đốc Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thi hành Quyết định này.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện; Trưởng ban Ban Quản lý các khu Công nghiệp và Chế xuất; Trưởng ban Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Đà Nẵng và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Giao thông Vận tải, Công thương, NN&PTNT;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- BTVTU, TT HĐND TP;
- CT và các PCT UBND TP;
- Đoàn ĐBQH thành phố;
- UBND TPĐN;
- Sở Tư pháp;
- Các BQL: KCN&CX, KCNC;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể;
- UBND các quận, huyện;
- TT THVN tại Đà Nẵng;
- Đài PTTH ĐN, Báo Đà Nẵng;
- VP UBND TPĐN:
 - CVP và các PCVP UBND TP;
 - Cổng TTĐT TPĐN, Phòng NC;
 - Lưu: VT, SXD, QLĐT_(QH).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Huỳnh Đức Thor

QUY ĐỊNH

**Phân công, phân cấp, ủy quyền trách nhiệm quản lý nhà nước về
chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 02 /2018/QĐ-UBND ngày 23 / 01 /2018
của Ủy ban nhân dân thành phố Đà Nẵng)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân công, phân cấp, ủy quyền trách nhiệm quản lý nhà nước về chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành thuộc Ủy ban nhân dân thành phố; Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao (gồm: Ban Quản lý Khu công nghiệp và Chế xuất; Ban Quản lý Khu công nghệ cao Đà Nẵng,...); Ủy ban nhân dân các quận, huyện.

Đối với các dự án đầu tư xây dựng công trình thuộc lĩnh vực bí mật quốc gia, lĩnh vực quốc phòng, an ninh áp dụng theo quy định riêng.

Điều 3. Phân loại, phân cấp công trình xây dựng

Thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18 tháng 6 năm 2014; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ; Thông tư số 03/2016/TT-BXD ngày 10/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng và các quy định khác của pháp luật hiện hành.

Trong trường hợp nhà nước thay đổi quy định về phân loại, phân cấp công trình xây dựng thì áp dụng quy định thay đổi của nhà nước.

Điều 4. Thẩm định, thẩm tra, phê duyệt thiết kế xây dựng công trình

Công tác thẩm định, thẩm tra, phê duyệt, nghiệm thu, điều chỉnh thiết kế và chỉ dẫn kỹ thuật được thực hiện theo quy định Luật Xây dựng và Nghị định về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình hiện hành.

Chương II

**PHÂN CÔNG, PHÂN CẤP, ỦY QUYỀN TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ
NƯỚC VỀ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG**

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Xây dựng

1. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành trên địa bàn thành phố, gồm: công trình dân dụng; công trình công

nghiệp vật liệu xây dựng, công trình công nghiệp nhẹ; công trình hạ tầng kỹ thuật; công trình giao thông trong khu dân cư, khu tái định cư không kể nguồn vốn; trừ công trình được phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các quận, huyện, Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao quản lý.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố ban hành các văn bản hướng dẫn triển khai các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng;

3. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các quận, huyện, các tổ chức và cá nhân tham gia xây dựng công trình trên địa bàn thành phố thực hiện các quy định của pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

4. Kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của các cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình và chất lượng các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố;

5. Phối hợp với các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành;

6. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng quy định tại Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ đối với các loại công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý, cụ thể:

a) Công trình cấp I không phân biệt nguồn vốn được phân cấp tại Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 của Chính phủ.

b) Công trình xây dựng chuyên ngành sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II trở xuống.

c) Công trình xây dựng chuyên ngành sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, cấp III.

d) Công trình sử dụng vốn khác có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Phụ lục số II Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ thuộc loại công trình chuyên ngành nêu tại Khoản 1 Điều này.

đ) Trừ công trình được Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu; công trình cấp I (công trình ngoài phạm vi phân cấp tại Nghị định số 144/2016/NĐ-CP ngày 01/11/2016 của Chính phủ), công trình cấp đặc biệt, công trình do Thủ tướng Chính phủ giao, công trình theo tuyến đi qua 2 tỉnh trở lên, công trình do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư, công trình do các Tập đoàn kinh tế nhà nước quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư; công trình chuyên ngành cấp IV sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách; công trình nêu tại Khoản 6 Điều 9 và Khoản 5 Điều 10 của Quy định này.

7. Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình, xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý;

8. Hướng dẫn việc đăng ký thông tin năng lực hoạt động của các tổ chức,

cá nhân hoạt động xây dựng công trình trên địa bàn thành phố trên trang thông tin điện tử do Sở quản lý;

9. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố cấp II, cấp III trên địa bàn thành phố, trừ sự cố đối với công trình thuộc thẩm quyền giải quyết của Ủy ban nhân dân các quận huyện quy định tại Khoản 8 Điều 9 và Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao quy định tại Khoản 8 Điều 10; theo dõi, tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình sự cố trên địa bàn;

11. Báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố định kỳ, đột xuất về việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn;

12. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố tổng hợp và báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn định kỳ hằng năm và đột xuất; báo cáo danh sách các nhà thầu vi phạm quy định về quản lý chất lượng công trình khi tham gia các hoạt động xây dựng trên địa bàn.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý chất lượng công trình giao thông theo phân loại tại Điều 3 Quy định này và công trình giao thông trong đô thị sử dụng vốn ngân sách thành phố và công trình giao thông khác (gọi tắt là công trình chuyên ngành giao thông), trừ công trình chuyên ngành giao thông được phân cấp, ủy quyền cho Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các quận huyện, Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành giao thông và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành giao thông trên địa bàn;

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng quy định tại Điều 32 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ đối với các loại công trình xây dựng chuyên ngành giao thông do Sở quản lý, cụ thể:

a) Công trình xây dựng chuyên ngành giao thông sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II trở xuống.

b) Công trình xây dựng chuyên ngành giao thông sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, cấp III.

c) Công trình sử dụng vốn khác có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Phụ lục số II Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ thuộc loại công trình chuyên ngành giao thông nêu tại Khoản 1 Điều này.

d) Trừ công trình đã được Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu; công trình cấp I, công trình cấp đặc biệt, công trình do Thủ tướng Chính phủ giao, công trình theo tuyến đi qua 2 tỉnh trở

lên, công trình do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư, công trình do các Tập đoàn kinh tế nhà nước quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư; công trình nêu tại Khoản 6 Điều 9 và Khoản 5 Điều 10 của Quy định này.

4. Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành giao thông khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành giao thông; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành giao thông trên địa bàn định kỳ hằng năm và đột xuất.

5. Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình, xây dựng chuyên ngành giao thông do Sở quản lý.

Điều 7. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý chất lượng công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn (gọi tắt là công trình chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn); trừ công trình chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn được phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân các quận huyện, Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn;

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng quy định tại Điều 32 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ đối với các loại công trình xây dựng chuyên ngành do Sở quản lý, cụ thể:

a) Công trình xây dựng chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II trở xuống.

b) Công trình xây dựng chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, cấp III.

c) Công trình sử dụng vốn khác có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Phụ lục số II Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ thuộc loại công trình chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn nêu tại Khoản 1 Điều này.

d) Trừ công trình đã được Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu; công trình cấp I, công trình cấp đặc biệt, công trình do Thủ tướng Chính phủ giao, công trình theo tuyến đi qua 2 tỉnh trở lên, công trình do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư, công trình do các Tập đoàn kinh tế nhà nước quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư; công trình nêu tại Khoản 6 Điều 9 và Khoản 5 Điều 10 của Quy định này.

4. Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn trên địa bàn định kỳ hằng năm và đột xuất.

5. Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình, xây dựng chuyên ngành nông nghiệp và phát triển nông thôn do Sở quản lý.

Điều 8. Trách nhiệm của Sở Công thương

1. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý chất lượng công trình công nghiệp (gọi tắt là công trình chuyên ngành công nghiệp); trừ công trình chuyên ngành công nghiệp được phân cấp, ủy quyền cho Sở Xây dựng, Ủy ban nhân dân các quận huyện, Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao quản lý.

2. Chủ trì, phối hợp với Sở Xây dựng kiểm tra thường xuyên, định kỳ theo kế hoạch và kiểm tra đột xuất công tác quản lý chất lượng của tổ chức, cá nhân tham gia xây dựng công trình chuyên ngành công nghiệp và chất lượng các công trình xây dựng chuyên ngành công nghiệp trên địa bàn;

3. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng quy định tại Điều 32 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ đối với các loại công trình xây dựng chuyên ngành công nghiệp do Sở quản lý, cụ thể:

a) Công trình xây dựng chuyên ngành công nghiệp sử dụng vốn ngân sách nhà nước cấp II trở xuống.

b) Công trình xây dựng chuyên ngành công nghiệp sử dụng vốn nhà nước ngoài ngân sách cấp II, cấp III.

c) Công trình sử dụng vốn khác có ảnh hưởng đến an toàn cộng đồng quy định tại Phụ lục số II Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ thuộc loại công trình chuyên ngành công nghiệp nêu tại Khoản 1 Điều này.

d) Trừ công trình đã được Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng kiểm tra công tác nghiệm thu; công trình cấp I, công trình cấp đặc biệt, công trình do Thủ tướng Chính phủ giao, công trình theo tuyến đi qua 2 tỉnh trở lên, công trình do Bộ Xây dựng, Bộ quản lý công trình xây dựng chuyên ngành quyết định đầu tư, công trình do các Tập đoàn kinh tế nhà nước quyết định đầu tư hoặc làm chủ đầu tư; công trình đường dây, trạm biến áp có cấp điện áp từ 35KV trở xuống; công trình nêu tại Khoản 6 Điều 9 và Khoản 5 Điều 10 của Quy định này.

4. Phối hợp với Sở Xây dựng tổ chức giám định chất lượng công trình xây dựng chuyên ngành công nghiệp khi được yêu cầu và tổ chức giám định nguyên nhân sự cố đối với công trình xây dựng chuyên ngành công nghiệp; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Xây dựng về tình hình chất lượng công trình

xây dựng chuyên ngành công nghiệp trên địa bàn định kỳ hằng năm và đột xuất.

5. Kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác, sử dụng đối với công trình, xây dựng chuyên ngành công nghiệp do Sở quản lý.

Điều 9. Trách nhiệm Ủy ban nhân dân các quận, huyện

1. Thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện quyết định đầu tư; Ủy ban nhân dân các quận, huyện là chủ đầu tư; Ủy ban nhân dân các quận, huyện là quản lý dự án; Ủy ban nhân dân các quận, huyện cấp phép xây dựng.

2. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường, các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

3. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng được phân cấp quản lý theo khoản 1 điều này;

4. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu đối với công trình xây dựng trên địa bàn khi được yêu cầu;

5. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác;

6. Giao Phòng Quản lý đô thị, Phòng Kinh tế Hạ tầng trực thuộc Ủy ban nhân dân các quận, huyện chủ trì kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng quy định tại Điều 32 Nghị định số 46/2016/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ đối với công trình nhà ở riêng lẻ từ 7 tầng trở lên; công trình xây dựng cấp III, cấp IV do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện quyết định đầu tư; Ủy ban nhân dân các quận, huyện là chủ đầu tư; trừ công trình có tổng mức đầu tư lớn hơn 5 (năm) tỷ đồng.

7. Thường xuyên theo dõi quá trình triển khai các công trình xây dựng trên địa bàn, kịp thời xử lý theo thẩm quyền hoặc kiến nghị xử lý đối với các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

8. Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các xã, phường báo cáo sự cố cho Ủy ban nhân dân thành phố, Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khi nhận được thông tin sự cố và chỉ đạo, hỗ trợ giải quyết sự cố; chủ trì giải quyết sự cố cấp III đối với công trình do Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện quyết định đầu tư, Ủy ban nhân dân các quận, huyện là chủ đầu tư, Ủy ban nhân dân các quận, huyện là quản lý dự án, Ủy ban nhân dân các quận, huyện cấp phép xây dựng (Ủy ban nhân dân các quận, huyện có thể đề nghị Sở Xây dựng phối hợp giải quyết sự cố khi cần thiết).

9. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Xây dựng định kỳ hằng năm, đột xuất việc tuân thủ theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng được phân cấp quản lý theo

Quy định này.

Điều 10. Trách nhiệm Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao

1. Thực hiện quản lý chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao do mình quản lý.

2. Hướng dẫn các tổ chức và cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao do mình quản lý thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý chất lượng công trình xây dựng;

3. Kiểm tra định kỳ, đột xuất việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng đối với các công trình xây dựng được ủy quyền quản lý theo Quy định này;

4. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc tuân thủ quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng, kiểm tra công tác nghiệm thu để đưa vào sử dụng đối với công trình trong phạm vi các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao khi được yêu cầu;

5. Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan kiểm tra công tác nghiệm thu công trình xây dựng theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ đối với công trình cấp III, cấp IV không phân biệt nguồn vốn trong phạm vi các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao do mình quản lý, trừ công trình đã được Hội đồng nghiệm thu Nhà nước các công trình xây dựng tổ chức kiểm tra, nghiệm thu.

6. Thường xuyên theo dõi quá trình triển khai các công trình xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao do mình quản lý, kịp thời kiến nghị xử lý đối với các vi phạm về quản lý chất lượng công trình xây dựng.

7. Phối hợp với Sở Xây dựng, Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành kiểm tra việc thực hiện bảo trì công trình xây dựng và đánh giá sự an toàn chịu lực và vận hành công trình trong quá trình khai thác đối với công trình xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao do mình quản lý;

8. Hướng dẫn chủ đầu tư báo cáo sự cố cho Ủy ban nhân dân các cấp, Sở Xây dựng và các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành khi nhận được thông tin sự cố và chỉ đạo, hỗ trợ giải quyết sự cố; chủ trì giải quyết sự cố cấp III đối với công trình không phân biệt nguồn vốn trong phạm vi các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao (Ban Quản lý có thể đề nghị Sở Xây dựng phối hợp giải quyết sự cố khi cần thiết).

9. Tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và Sở Xây dựng định kỳ hằng năm, đột xuất việc tuân thủ theo quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng và tình hình chất lượng công trình xây dựng trong phạm vi các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Chế độ báo cáo về chất lượng công trình xây dựng

1. Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao, Ủy ban nhân dân các quận, huyện báo cáo tình hình chất lượng công trình xây dựng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng theo mẫu của Bộ Xây dựng, gửi về Sở Xây dựng định kỳ hằng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu;

2. Sở Xây dựng có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân thành phố để báo cáo Bộ Xây dựng về tình hình chất lượng công trình xây dựng và công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng trên địa bàn thành phố.

Điều 12. Xử lý vi phạm

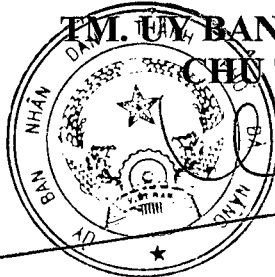
1. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động xây dựng trên địa bàn thành phố Đà Nẵng nếu có hành vi vi phạm pháp luật về công tác quản lý chất lượng công trình xây dựng thì căn cứ vào mức độ vi phạm để xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Sở Xây dựng, các Sở quản lý công trình xây dựng chuyên ngành, Ban Quản lý các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu kinh tế và khu công nghệ cao, Ủy ban nhân dân các quận, huyện theo dõi, kiểm tra sự tuân thủ các quy định về quản lý chất lượng công trình xây dựng của các tổ chức, cá nhân hoạt động xây dựng trên địa bàn; xác định các tổ chức, cá nhân có nhiều vi phạm gây ảnh hưởng đến chất lượng công trình để đề nghị Ủy ban nhân dân thành phố không cho phép hoạt động xây dựng có thời hạn trên địa bàn thành phố.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc phát sinh thì các cơ quan, đơn vị có ý kiến bằng văn bản gửi về Sở Xây dựng để hướng dẫn, xử lý theo quy định; trường hợp vượt thẩm quyền thì tổng hợp, tham mưu cho Ủy ban nhân dân thành phố xử lý theo quy định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Huỳnh Đức Thor